

Bản án số: 68/2018/DS-ST

Ngày: 05/10/2018

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng D sự
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Minh Tú**
- Các Hội thẩm nhân D:
 - 1. Bà **Hồ Thị Mai Hương**
 - 2. Ông **Phạm Phước Tâm**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân D huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 05 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án D sự thụ lý số 359/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*”; theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 244/2018/QĐXXST-DS, ngày 06/9/2018; Quyết định hoãn phiên tòa 171/2018/QĐST-DS, ngày 19/9/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Văn Bé S**, sinh năm 1964;
Địa chỉ: 144, Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* **Đỗ Thùy T**, sinh năm 1970;
Trương Thanh D, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, tỉnh Đ.

(Ông S có mặt; ông D, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Văn Bé S trình bày:

Ông làm nghề mua lúa, xây bán gạo, tấm, cám. Bà T, ông D mua tấm, cám của ông để chăn nuôi heo. Từ năm 2016 đến năm 2017, ông có bán tấm, cám cho vợ chồng bà T, ông D, đến ngày 13/4/2017 bà T, ông D không tiếp tục mua tấm cám nữa nhưng lúc đó còn chưa thanh toán tiền cho ông tổng cộng là 40.700.000đ nên ông yêu cầu bà T, ông D viết biên nhận nợ vào ngày 13/4/2017, do bà T ký tên hai bên thống nhất ghi trong biên nhận số tiền 40.000.000đ, còn 700.000đ sẽ thanh toán riêng ngay sau đó. Theo biên nhận ngày 13/4/2017 bị đơn cam kết đến ngày 25/4/2017 sẽ trả 20.000.000đ; số tiền còn lại hẹn một tháng sau (tháng kế tiếp) trả hết; đồng thời hứa sẽ trả lãi 2%/tháng. Đến ngày 06/10/2017, bà T, ông D chỉ trả được 5.000.000đ nên ông

D làm lại biên nhận còn nợ số tiền 35.700.000đ; tiếp đến 30 tết trả thêm 500.000đ; ngoài ra sau đó, ông D có đến nhà ông trả được 3.000.000đ. Như vậy, bà T, ông D còn nợ lại ông số tiền 32.200.000đ. Sau đó ông có đòi nợ nhiều lần nhưng bà T, ông D không trả và từ đó đến nay ông liên tục đòi nợ, phía ông D, bà T hẹn hết lần này đến lần khác vẫn không chịu trả cho ông. Do ông D, bà T nợ quá lâu, cố tình không chịu trả nợ, chiếm dụng vốn của ông; ngoài ra, ông đã nhiều lần đòi nợ, tốn nhiều công sức và chi phí đi lại; ông phải đi vay bên ngoài để xoay sở làm ăn nên ông bức xúc và cũng vì vậy ông khởi kiện ông D, bà T.

Nay ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là rút lại phần yêu cầu tính lãi đối với bị đơn và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc, ông không yêu cầu tính lãi. Ông chỉ yêu cầu buộc ông Trương Thanh D và bà Đỗ Thùy T liên đới trả cho ông tiền mua tiền mua tằm, cám còn nợ là 32.200.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai ngày 27/8/2018, ông Trương Thanh D và bà Đỗ Thùy T thừa nhận có mua tằm, cám của ông Nguyễn Văn Bé S và có nợ ông S số tiền 40.700.000đ. Đã trả được số tiền 8.500.000đ, còn nợ lại 32.200.000đ và đồng ý trả cho ông S số tiền còn nợ này. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trương Thanh D và bà Đỗ Thùy T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng ông D, bà T không có mặt tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay.

- Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:
 - + Biên nhận ngày 13/4 (bản chính);
 - + Biên nhận ngày 06/10/2017 (bản chính);
 - + CMND, bản tự khai bổ sung;
 - + Xác nhận địa chỉ bị đơn.
- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp:
 - + Bản tự khai.
- Chứng cứ, tài liệu Tòa án thu thập: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông S yêu cầu ông Trương Thanh D và bà Đỗ Thùy T liên đới trả cho ông S tiền mua tiền mua tằm, cám là 32.200.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng). Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng D sự mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật D sự.

[2] **Về thẩm quyền:** Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng D sự. Mặt khác, địa chỉ của bị đơn tại ấp 3, xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng D sự.

[3] **Về thời hiệu khởi kiện:** theo biên nhận ngày 06/10/2017, bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 35.700.000đ, đồng thời biên nhận không thỏa thuận rõ thời điểm thực hiện nghĩa vụ và đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện chưa quá 03 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 và Điều 688 Bộ luật D sự.

Ngoài ra, bị đơn Trương Thanh D và Đỗ Thùy T đã được tổng đạt và triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng D sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Bé S yêu cầu ông Trương Thanh D và bà Đỗ Thùy T trả cho ông tiền mua tiền mua tám, cám là 32.200.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng), Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 của bị đơn Trương Thanh D, Đỗ Thùy T thừa nhận có mua tám, cám và còn nợ nguyên đơn số tiền 32.200.000đ, việc thừa nhận của bị đơn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và các biên nhận mà phía nguyên đơn cung cấp nên xem đây là chứng cứ không cần chứng minh. Do đó xác định phía bị đơn có mua tám, cám và còn nợ nguyên đơn số tiền 32.200.000đ là có thật nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là rút lại yêu cầu tính lãi và thay đổi một phần yêu cầu số tiền gốc đối với bị đơn; nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu trả lại tiền là 32.200.000đ, Xét thấy: việc rút và thay đổi một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần yêu cầu tính lãi, chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện.

Từ những vấn đề trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn; Buộc các bị đơn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 32.200.000đ.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông D, bà T phải liên đới chịu án phí D sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng D sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật D sự; các Điều 26, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng D sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi đối với bị đơn.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé S.

- Buộc ông Trương Thanh D, bà Đỗ Thùy T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bé S số tiền nợ mua bán tấm, cám là 32.200.000đ (ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật D sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Ông Trương Thanh D, bà Đỗ Thùy T phải liên đới chịu 1.610.000 đồng án phí D sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Văn Bé S không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000261 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Cao Lãnh.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án D sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phước Tâm – Hồ Thị Mai Hương

Lưu Minh Tú

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Minh Tú